

Số: **59** /2018/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **28** tháng **2** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 57/TTr-SKHCN ngày 05/10/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2019 và thay thế Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh ban hành Quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan; UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Báo Đồng Nai; Đài PTTH Đồng Nai;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Hiệp

QUY ĐỊNH

**Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 59 /2018/QĐ-UBND ngày 28 / 12 /2018
của UBND tỉnh Đồng Nai)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung và định mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau viết tắt là KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan có thẩm quyền; quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; quy định việc xây dựng dự toán, thẩm định, quyết toán và quản lý chi công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

1. Các định mức xây dựng dự toán tại Quy định này là mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điều 4 của Quy định này.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại Chương III Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

- a) Chủ nhiệm nhiệm vụ;
- b) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học;
- c) Thành viên;
- d) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

2. Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh (Chủ nhiệm nhiệm vụ; thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học; thành viên) phụ thuộc vào nội dung thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng khoa học xem xét và cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt đảm bảo theo đúng các quy định của nhà nước.

3. Đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 6 Quy định này.

Chương II

NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp.

a) Cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả/sản phẩm
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu..	Báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu..
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ.	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ - Các mô hình, quy trình công nghệ - Các sản phẩm, chế phẩm...

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả/sản phẩm
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả kiến nghị, giải pháp sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

Trong từng trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại Điểm a, Khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Hstcn \times Snc$$

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công của chức danh

Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định

Hstcn: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

Snc: Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

TT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (H_{cd})	Hệ số lao động khoa học (H_{kh})	Hệ số tiền công theo ngày (H_{stcn})	
				Kinh phí nhiệm vụ trên 300 triệu đồng $H_{stcn} = (H_{cd} \times H_{kh})/22$	Kinh phí nhiệm vụ đến 300 triệu đồng $H_{stcn} = [(H_{cd} \times H_{kh})/22] \times 80\%$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,79	0,63
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học	5,42	2,0	0,49	0,39

3	Thành viên	3,66	1,5	0,25	0,20
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,16	0,13

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 40.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/01 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy định này.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

- Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy định này. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

- Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

c) Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở không được thuê chuyên gia ngoài nước.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài

liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định

a) Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

b) Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

c) Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

d) Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

Dự toán được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

5. Dự toán chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định hiện hành của UBND tỉnh về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước; chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chi tiêu tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra mức chi thù lao tham gia hội thảo KH&CN được quy định cụ thể như sau:

Bảng 2: Định mức chi thù lao tham gia hội thảo KH&CN:

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kinh phí nhiệm vụ trên 300 triệu đồng	Kinh phí nhiệm vụ đến 300 triệu đồng
1	Chủ trì hội thảo	Buổi	1.500.000	1.200.000
2	Thư ký hội thảo	Buổi	500.000	400.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	2.000.000	1.600.000

4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.000.000	800.000
5	Thành viên tham gia hội thảo	Buổi/người	200.000	160.000

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ nhiệm vụ KH&CN

Bảng 3: Định mức chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu:

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Nội dung chi	Kinh phí nhiệm vụ trên 300 triệu đồng	Kinh phí nhiệm vụ đến 300 triệu đồng
1	Lập mẫu phiếu điều tra được duyệt		
a	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	750.000	600.000
b	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	1.000.000	800.000
c	Trên 40 chỉ tiêu	1.500.000	1.200.000
2	Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra (nếu có)	Thực hiện theo Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)	
3	Chi công tác phí cho người tham gia điều tra, phúc tra kiểm tra	Thực hiện theo mức chi do HĐND tỉnh quy định.	
4	Chi thuê điều tra viên (đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Thực hiện theo mức chi do HĐND tỉnh quy định.	
5	Thuê người dẫn đường	Thực hiện theo mức chi do HĐND tỉnh quy định.	
6	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra:		
a	Cá nhân:		
	- Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	40.000 đồng/phiếu	
	- Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	50.000 đồng/phiếu	
	- Trên 40 chỉ tiêu	60.000 đồng/phiếu	
b	Tổ chức:		
	- Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	85.000 đồng/phiếu	
	- Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	100.000 đồng/phiếu	
	- Trên 40 chỉ tiêu	115.000 đồng/phiếu	
7	Phân tích mẫu điều tra (nếu có)	Theo mức thu quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc giá thỏa thuận của cơ quan cung cấp dịch vụ	

8	Chi vận chuyển tài liệu điều tra (nếu có), thuê xe cho cán bộ, điều tra viên đi thực địa để điều tra	Mức chi theo giá cước vận chuyển hoặc hợp đồng vận chuyển, hóa đơn thực tế (trong trường hợp thuê dịch vụ)	
9	Chi tạo lập thông tin điện tử từ điều tra, khảo sát thu thập số liệu	Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.	
10	Chi viết báo cáo và phân tích kết quả điều tra		
	Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt tùy theo tính chất, quy mô cuộc điều tra)	7.000.000 - 12.000.000 đồng/báo cáo	5.000.000 - 9.000.000 đồng/báo cáo

7. Dự toán chi hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Bảng 4: Định mức chi hội đồng tự đánh giá kết quả

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kinh phí nhiệm vụ trên 300 triệu đồng	Kinh phí nhiệm vụ đến 300 triệu đồng
1	Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả	Nhiệm vụ		
a)	Chủ tịch hội đồng		750.000	650.000
b)	Thành viên hội đồng (*)		500.000	400.000
c)	Thư ký hành chính		150.000	100.000
d)	Đại biểu được mời tham dự		100.000	75.000
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
a)	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		250.000	200.000
b)	Nhận xét, đánh giá của Ủy viên phản biện trong hội đồng (nếu có)		350.000	300.000

(*): Gồm Phó Chủ tịch hội đồng, thư ký khoa học và các thành viên khác của Hội đồng.

8. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

a) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai

nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

b) Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng.

9. Các khoản chi khác (đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức KH&CN) được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 7. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 8. Các nội dung và mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn nhiệm vụ KH&CN.

a) Chi tiền công

Bảng 5: Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kinh phí nhiệm vụ trên 300 triệu đồng	Kinh phí nhiệm vụ đến 300 triệu đồng
1	Chi hội đồng tư vấn KH&CN (bao gồm Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng giao quyền sở hữu, Hội đồng Công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai đánh giá và công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến để phục vụ công tác thi đua khen thưởng).	Nhiệm vụ		
a)	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.000.000	800.000
	Thành viên hội đồng (*)		800.000	600.000
	Thư ký hành chính		300.000	200.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000	150.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kinh phí nhiệm vụ trên 300 triệu đồng	Kinh phí nhiệm vụ đến 300 triệu đồng
b)	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300.000	200.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500.000	400.000
c)	Chi công tác tiếp nhận, phân loại, đánh giá sơ bộ	hồ sơ	100.00	60.000
2	Chi về hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Nhiệm vụ		
a)	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.500.000	1.200.000
	Thành viên hội đồng (*)		1.000.000	800.000
	Thư ký hành chính		300.000	200.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000	150.000
b)	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500.000	400.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000	550.000
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN	Nhiệm vụ		
	Tổ trưởng tổ thẩm định		700.000	600.000
	Thành viên tổ thẩm định		500.000	400.000
	Thư ký hành chính		300.000	200.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kinh phí nhiệm vụ trên 300 triệu đồng	Kinh phí nhiệm vụ đến 300 triệu đồng
	Đại biểu được mời tham dự		200.000	100.000
4	Chi hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN	Nhiệm vụ		
a)	Chi hợp Hội đồng nghiệm thu			
	Chủ tịch hội đồng		1.500.000	1.200.000
	Thành viên hội đồng (*)		1.000.000	800.000
	Thư ký hành chính		300.000	200.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000	150.000
b)	Chi nhận xét đánh giá _____	01 phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500.000	400.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000	550.000

(*): Gồm Phó Chủ tịch hội đồng, thư ký khoa học và các thành viên khác của Hội đồng.

Trong trường hợp Hội đồng phải xin ý kiến của Chủ tịch Hội đồng và 02 ủy viên phản biện trước khi thông qua danh mục nhiệm vụ KH&CN; thông qua kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp; thông qua kết quả đánh giá nghiệm thu thì mức chi lần 2 cho nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng và 02 ủy viên phản biện cũng được áp dụng như lần đầu.

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành.

c) Các Hội đồng xét chọn doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được hưởng chế độ hỗ trợ trong hoạt động khoa học và công nghệ, Hội đồng Công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai đánh giá và công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến để phục vụ công tác thi đua khen thưởng được áp dụng mức chi hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh tại Khoản 1 Điều 8 của Quy định này để chi cho các phiên họp.

d) Các hội thảo khoa học cấp tỉnh, cấp cơ sở do các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức

được áp dụng mức chi hội thảo khoa học phục vụ cho hoạt động nghiên cứu tại Khoản 1, Điều 6 của Quy định này.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 05 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng và do thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN, chi thông tin truyền thông về nhiệm vụ KH&CN (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác):

Xây dựng dự toán trên cơ sở định mức chế độ quy định hoặc báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 Quy định này.

5. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 9. Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH&CN

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, cơ quan, đơn vị: Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH&CN trong năm và định mức chi quy định tại Quy định này để xây dựng dự toán kinh phí đối với

các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ KH&CN và tổng hợp vào dự toán sự nghiệp KH&CN của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN ở địa phương để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ

a) Mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ, ngành chức năng ban hành, định mức làm căn cứ xây dựng dự toán quy định tại Quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu

a) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các kết quả, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ KH&CN.

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

Điều 11. Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Sở Khoa học và Công nghệ - cơ quan thường trực Hội đồng Khoa học công nghệ tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN theo đúng chế độ quy định. Đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học công nghệ theo đúng chế độ quy định

Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN được quyết định các nội dung chi cần thiết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

2. Căn cứ vào dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được cơ quan có thẩm quyền giao, Sở Khoa học và Công nghệ phân bổ giao dự toán và triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định. Kinh phí chi sự nghiệp cấp tỉnh được phân bổ và giao cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý tập trung.

Điều 12. Tạm ứng, quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN

1. Việc tạm ứng, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách

nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Kinh phí tạm ứng thực hiện nhiệm vụ KH&CN không quá 50% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt.

2. Số dư dự toán, tạm ứng của nhiệm vụ KH&CN đang trong thời gian triển khai thực hiện theo tiến độ của nội dung thuyết minh, dự toán đã phê duyệt, được chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 13. Công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích

Nội dung chi công bố kết quả nghiên cứu (đã được công bố) và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (đã được cấp bằng) (nếu có) được ghi thành một nội dung trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ và được dự toán kinh phí thực hiện.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán kinh phí trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2015/TT-BKH&CN ngày 6 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước và áp dụng mức chi theo quy định này.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ - cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các tổ chức có liên quan hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa:

a) Căn cứ Quy định này, các đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện các nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ

sở để áp dụng thống nhất trong phạm vi đơn vị, ngành, đảm bảo phù hợp với nguồn lực, đặc thù hoạt động KH&CN của tỉnh Đồng Nai và không vượt quá định mức dự toán tại Quy định này.

b) Hàng năm, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, cơ quan, đơn vị lập kế hoạch, lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN gửi Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 5 năm trước năm kế hoạch. Trên cơ sở xem xét kế hoạch và nhu cầu kinh phí của địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ đề nghị UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN phù hợp.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Hiệp